

Số: 50/2023/QĐST-DS

Quế Võ, ngày 20 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 185/2023/TLST- DS, ngày 28/6/2023.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 phường L, quận Đ, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Thanh H- chức danh: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ KHCN, (theo văn bản ủy quyền số 26 B/2022/UQ-CTHĐQT ngày 01/4/2022 của Chủ tịch HĐQT ngân hàng TMCP V).

Người nhận ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị M- Trưởng bộ phận phòng xử lý nợ; ông Trịnh Thế A, chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Thanh H, Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ làm việc: Số 241, Tầng 4, VP Bank Từ Sơn (Theo giấy ủy quyền số 598/2023/UQ- VP Bank ngày 19/6/2023); Địa chỉ: Số 241 Trần Phú, phường Đ, thành phố T, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1986; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, thị xã Q, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1981; Địa chỉ; Khu 3, phường S, thành phố B, tỉnh B

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu M, phường H, thị xã T, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V khoản tiền vay theo Hợp đồng cho vay số LN 2203315488167 ký ngày 31/10/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo, khế ước nhận nợ ngày 01/11/2022; khế ước nhận nợ ngày 02/11/2022; khế ước nhận nợ ngày 03/11/2022; khế ước nhận nợ ngày 04/11/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2204075533772 ký ngày 15/4/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo ngày 19/4/2022; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 07/4/2022, tổng số tiền nợ gốc, lãi, nợ thẻ tín dụng: 14.034.918.810 đồng.

Trong đó nợ gốc: 12.449.726.595 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 630.690.858 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 771.447.322 đồng.

Nợ thẻ tín dụng phải trả: 133.054.035 đồng (tạm tính đến ngày 21/8/2023).

Ông Hoan, bà Hằng tiếp tục phải chịu lãi theo hợp đồng kể từ ngày 22/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông H, bà H không thanh toán nợ, Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 747, tờ bản đồ số 28, địa chỉ xã Q, huyện L, tỉnh B, giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 107676, số vào sổ cấp GCN CS 10537 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 14/3/2022; Ngày 19/8/2022 tại VPĐKĐ sang tên cho ông Nguyễn Đức Hoan (Hợp đồng thế chấp số 7193601/TC- 2 số công chứng 3882, quyền số 03/2022 TP/CC- SCC/HĐGD ký ngày 28/10/2022 tại Văn phòng công chứng T, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay)

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số 19, địa chỉ khu N, phường K, thành phố B, tỉnh B, giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 099747 số vào sổ cấp GCN CS 06946 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 23/5/2017; Ngày 16/5/2022 tại VPĐKĐ đại tỉnh B- chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã sang tên cho ông Nguyễn Đức H (Hợp đồng thế chấp số 7193601/TC số công chứng 3883, quyền số 03/2022 TP/CC- SCC/HĐGD ký ngày 28/10/2022 tại Văn phòng công chứng T, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay)

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 453, tờ bản đồ số 4, địa chỉ khu M, phường H, thị xã T, tỉnh B, giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 201929 số vào sổ cấp GCN CS 01442 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 26/4/2022 mang tên ông

Nguyễn Thành T; Ngày 05/8/2022 tại VPĐKĐ đại tỉnh B- chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T đã sang tên cho ông Nguyễn Đức H (Hợp đồng thế chấp số 7193601/TC số công chứng 3883, quyền số 03/2022 TP/CC- SCC/HĐGD ký ngày 27/10/2022 tại Văn phòng công chứng T, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay)

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 157, tờ bản đồ số 12, diện tích 215,9m², địa chỉ thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh B nay là thị xã Q, tỉnh B, giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX509422 số vào sổ cấp GCN CS 07783, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 19/01/2021 đứng tên cho ông Nguyễn Đức H (Hợp đồng thế chấp số 5533772/TC, số công chứng 1622, quyền số 02/2022 TP/CC- SCC/HĐGD ký ngày 18/4/2022 tại Văn phòng công chứng T, việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay)

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ VP Bank, có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản khác của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VP Bank cho đến khi thực tế trả hết hoàn nợ.

2.2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị H phải chịu 61.017.459 đồng (*Sáu mươi một triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và trả cho Ngân hàng TMCP V 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản thế chấp.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 65.371.000 đồng (*Sáu mươi năm triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2022/0001483 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã Q;
- CCTHADS thị xã Q
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hồng